

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯƠNG ĐÔNG - SÀI GÒN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ DƯƠNG ĐÔNG KIÊN GIANG**



## **ĐIỀU LỆ**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ DƯƠNG ĐÔNG KIÊN GIANG**

*Kiên Giang, ngày 25 tháng 10 năm 2017*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐIỀU LỆ**  
**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ DƯƠNG ĐÔNG KIÊN GIANG**

**PHẦN MỞ ĐẦU**

Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang được đổi tên từ ngày 27/04/2017; tiền thân là Công ty TNHH Đầu tư An Thái, từ ngày 16/09/2010 được đổi tên là Công ty Cổ phần Xăng Dầu An Minh, từ ngày 18/07/2011 được đổi tên là Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Kiên Giang.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang sửa đổi lần thứ 21 ngày 12/07/2017, được thông qua theo Nghị quyết số: 09 /NQ-DHĐCĐ.

Bản Điều lệ này được xây dựng theo quy định của pháp luật về Doanh nghiệp và vận dụng những thông lệ tốt nhất cho phù hợp, nhằm đảm bảo cho sự phát triển bền vững của nền kinh tế công ty.

Điều lệ là cơ sở pháp lý cho mọi hoạt động của Công ty; các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của công ty.

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty.**

- 1) Tên Công ty : Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang
  - Tên tiếng Anh :
  - Tên giao dịch quốc tế :
  - Tên viết tắt :
  - Công ty là Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 2) Trụ sở đăng ký của Công ty:
  - Địa chỉ : Lô L5, căn 20, đường Phan Thị Ràng, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.
  - Điện thoại : 0297.377 85 90; - Fax : 0297.377 85 89.
  - Website :
- 3) Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Công ty: Công ty có thể mở chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu của công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.

#### 4) Thời gian hoạt động

Thời gian hoạt động của Công ty là vô hạn kể từ ngày được Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu; trừ trường hợp quy định tại Điều 59 của Điều lệ.

Việc chấm dứt trước thời gian hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định; Việc giải thể được tiến hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

5) Công ty có một người đại diện theo pháp luật. Giám đốc Công ty là người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều 13, Điều 14 Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ.**

Trong Bản Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1) *Công ty* là Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang.
- 2) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26/11/2014.
- 3) *Điều lệ* là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.
- 4) *Vốn Điều lệ* là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán được quy định tại Điều 6 của Bản Điều lệ này.
- 5) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu tiên.
- 6) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- 7) *Người quản lý* là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết các giao dịch của Công ty.
- 8) *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với Công ty được quy định tại Điều 4, khoản 17 Luật Doanh nghiệp.
- 9) *Chủ tịch* là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.
- 10) *Ngày* là ngày theo lịch (dương lịch) bao gồm cả ngày nghỉ (Chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết)
- 11) *Ngày làm việc* là không bao gồm những ngày nghỉ.
- 12) Các tiêu đề (Chương, Điều, khoản, mục của Điều lệ) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tìm hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ. Trong Điều lệ này khi nói đến một điều khoản hay một văn bản nào đó thì chúng sẽ bao gồm cả những điều khoản sửa đổi hay văn bản thay thế.
- 13) Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

### **Điều 3. Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của công ty.**

1. Công ty được tổ chức và hoạt động nhằm huy động và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo công ăn việc làm cho người lao động, đảm bảo lợi tức cho cổ đông và đóng góp ngân sách cho nhà nước, đồng thời đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh đưa công ty ngày càng phát triển.

2. Ngành nghề kinh doanh của công ty.

a) Công ty Đăng ký kinh doanh các ngành hàng, theo chi tiết dưới đây

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (chi tiết: bán buôn, bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan, dầu thô);
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Trồng cây ăn quả;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Cho thuê kho bãi, nhà xưởng;
- Buôn bán phân bón và hóa chất.

b) Trong quá trình hoạt động, công ty có thể thay đổi ngành nghề kinh doanh theo quy định của pháp luật, sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành và được cơ quan Đăng ký kinh doanh đồng ý bổ sung vào hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng tải trên hệ thống Đăng ký kinh doanh quốc gia [dangkykinhdoanh.gov.vn](http://dangkykinhdoanh.gov.vn).

### **Điều 4. Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành của công ty.**

1. Công ty hoạt động dựa trên nguyên tắc bình đẳng, dân chủ, tự nguyện và chấp hành đúng pháp luật Việt Nam.

2. Đảm bảo quyền lợi và đối xử công bằng giữa các cổ đông;

3. Các cổ đông của Công ty cùng nhau góp vốn, cùng chia lợi nhuận, cùng chịu lỗ tương ứng và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi phần vốn góp của mình góp vào Công ty.

4. Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến công ty.

5. Hội đồng quản trị lãnh đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có hiệu quả.

#### **Điều 5. Con dấu của Công ty.**

1) Hình thức, nội dung và số lượng con dấu

a) Hình thức con dấu:

Con dấu Công ty được thể hiện là hình tròn, mực sử dụng màu đỏ.

b) Nội dung con dấu của Công ty thể hiện những thông tin sau đây:

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang
- Mã số doanh nghiệp: 1700 440 456
- Địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở: Lô L5, căn 20, đường Phan Thị Ràng, phường An Hòa, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

c) Số lượng con dấu: Công ty có một con dấu.

2. Quản lý, lưu giữ và sử dụng con dấu

Hội đồng quản trị giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty sử dụng và quản lý con dấu của Công ty theo quy định pháp luật hiện hành. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.

Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan Đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp. Công ty chỉ được sử dụng con dấu sau khi mẫu con dấu được đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp và nhận được Thông báo về việc đăng tải thông tin về mẫu con dấu doanh nghiệp của Cơ quan Đăng ký kinh doanh. Trình tự, thủ tục và hồ sơ thông báo mẫu dấu, hủy con dấu, thay đổi mẫu dấu quy định của pháp luật.

Tất cả văn bản của Công ty khi công bố chính thức phải có con dấu của Công ty trên các chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc của Giám đốc và Phó Giám đốc Công ty. Chữ ký của các chức danh khác trong Công ty không được sử dụng dấu (nếu không có ủy quyền của Giám đốc Công ty).

### **Chương II**

#### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG, CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY.**

##### **Điều 6. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông.**

1. Vốn Điều lệ của công ty là: 46.000.000.000 VND (Bốn mươi sáu tỷ đồng chẵn)

Tổng số Vốn Điều lệ của Công ty được chia thành 460.000 (Bốn trăm sáu mươi ngàn) cổ phần; mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 VND (Một trăm ngàn đồng chẵn).

Vốn Điều lệ của Công ty có thể tăng hoặc giảm tùy theo nhu cầu và tình hình hoạt động của Công ty do quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

2. Tất cả cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Bản Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông phổ thông được quy định tại Điều 7, Điều 8 của Điều lệ.

3. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần, được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty.

4. Công ty có thể có các loại cổ phần khác khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 7. Quyền của cổ đông phổ thông.**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 Điều 126 của Luật Doanh nghiệp;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có các quyền sau đây:

a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

b) Xem xét và trích lục Sổ biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và các báo cáo của Ban Kiểm soát;

c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ Căn cước công dân/Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 06 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

c) Trường hợp khác theo quy định tại điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ Căn cước công dân/Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quy định vượt quá thẩm quyền.

4. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quy định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Các quyền khác theo quy định tại Điều lệ và Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 8. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.**

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua;

Cổ đông không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

2. Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

3. Chấp hành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty và Luật Doanh nghiệp.

#### **Điều 9. Cổ phiếu và chứng nhận cổ phiếu.**

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận Quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty với nội dung được quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần mà mình sở hữu. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty, theo các quy định của Luật Doanh nghiệp; phải ghi rõ số lượng cổ phiếu cổ đông nắm giữ, họ tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nộp đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hay thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu, người sở hữu cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí trong in ấn chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Chủ tịch và Giám đốc Công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đã gây ra đối với công ty.

5. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.

Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

a) Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;

b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh và chi phí từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Đối với cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công ty cấp cổ phiếu mới.

#### **Điều 10. Sổ đăng ký cổ đông.**

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông được lập theo hình thức bằng văn bản. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ Căn cước công dân/Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức;



đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công ty.

3. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhập vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo này.

#### **Điều 11. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.**

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng Vốn Điều lệ.

2. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

3 Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu của Công ty được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ Căn cước công dân/Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành. Trường hợp phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua;

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;

d) Cổ phần của Công ty được mua bằng tiền Việt Nam đồng và phải được thanh toán đủ một lần.

4. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán (nếu có).

5. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

6. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường

hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực Quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

### ***Điều 12. Bán cổ phần.***

Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

1. Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ ở công ty;
2. Cổ phần chào bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh. Trong trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết;

### ***Điều 13. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.***

1. Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì cổ đông có thể bán cổ phần cho người khác hoặc các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

### ***Điều 14. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty.***

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã được chào bán trong mười hai tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;
2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này;
3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đã được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ Căn cước công dân/Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

#### ***Điều 15. Thừa kế cổ phần.***

1. Trong trường hợp một cổ đông qua đời, Công ty công nhận những người sau đây có quyền sở hữu một phần hoặc toàn bộ cổ phần của người đã mất:

- Người thừa kế duy nhất theo luật định hoặc theo di chúc của cổ đông đã mất được pháp luật công nhận.

- Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế hợp pháp thì họ phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục ủy quyền có công chứng. Công ty không giải quyết các trường hợp tranh chấp giữa những người thừa kế theo pháp luật.

2. Người có quyền thừa kế hợp pháp, sau khi xuất trình đủ giấy tờ chứng minh nguyện vọng và quyền thừa kế của mình, người đó sẽ được đăng ký là cổ đông sở hữu các cổ phần được thừa kế, và được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của một cổ đông trong công ty.

#### ***Điều 16. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.***

1. Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại điều 16 và điều 17 của Điều lệ này, nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại khoản 1 Điều này, được coi là cổ phần thu về và thuộc số cổ phần được quyền chào bán.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công ty.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

#### ***Điều 17. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.***

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại khoản 1 điều 16, hoặc trả cổ tức trái với quy định tại điều 52, thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT CÔNG TY**

### **Điều 18. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.**

Công ty cổ phần Dầu khí Dương Đông Kiên Giang được tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau:

Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty.

### **Điều 19. Đại hội đồng cổ đông.**

1. Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên mỗi năm phải họp một lần trong thời hạn 04 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, Cơ quan Đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá 06 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường.

3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 135 Luật Doanh nghiệp.

4. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hàng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban Kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc.
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

### **Điều 20. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Ngoài cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường theo quy định tại khoản 2 của Điều này. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp theo quy định tại khoản 3 khoản 4 điều 136 Luật Doanh nghiệp.

3. Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Luật Doanh nghiệp thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

5. Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

6. Để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông người triệu tập phải thực hiện các công việc theo quy định tại khoản 7 điều 136 Luật Doanh nghiệp.

7. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 điều 136 Luật Doanh nghiệp sẽ được Công ty hoàn lại.

### ***Điều 21. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.***

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ Căn cước công dân/Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày chương trình cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

### ***Điều 22. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.***

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 điều 7 của Điều lệ có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai

mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

### ***Điều 23. Mời họp Đại hội đồng cổ đông.***

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty theo nội dung theo đúng như quy định tại Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

### ***Điều 24. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.***

1. Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 Điều này.

- Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần có thể ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện. Trường hợp có nhiều hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần, cho mỗi người đại diện.

- Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.

- Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 4 Điều 15 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi chương trình dự họp trước khi vào phòng họp.

2. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

**Điều 25. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết;

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

**Điều 26. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.**

Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành như sau:

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Việc bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào Ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

### ***Điều 27. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.***

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông :

a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;



g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

**Điều 28. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ phần đại diện ít nhất 75% tổng số biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của công ty;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản hoặc thế chấp tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành (trừ các nội dung nêu tại Khoản 1 phải được ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết tán thành).

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.

**Điều 29. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào sổ biên bản của công ty. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

g) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

h) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

i) Các quyết định đã được thông qua;

k) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### ***Điều 30. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.***

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, Thành viên HĐQT, Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty;

2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

### ***Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.***

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 147 của Luật Doanh nghiệp, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### ***Điều 32. Hội đồng quản trị.***

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và chịu trách nhiệm quản lý Công ty vì các quyền lợi hợp pháp của cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Điều lệ này;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- g) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135; khoản 1 và khoản 3 điều 162 Luật Doanh nghiệp;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; quy định tiền lương và lợi ích khác của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- j) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- k) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- l) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- m) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- n) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- o) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công

ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

**Điều 33. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị có ba (03) thành viên; thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đã là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

**Điều 34. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp;

2. Là cổ đông cá nhân, đại diện nhóm cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty.

3. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty.

4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành luật pháp và điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

6. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

**Điều 35. Chủ tịch Hội đồng quản trị.**

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp của Hội đồng quản trị;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ này.

3. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và

nghĩa vụ của Chủ tịch. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số.

### **Điều 36. Cuộc họp Hội đồng quản trị.**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. .

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường do Chủ tịch triệu tập xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở một nơi khác.

3. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 03 (ba) thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất năm ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

6. Chủ tịch hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

7. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp.

Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ

tịchchậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sẽ chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch.

8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

### ***Điều 37. Biên bản họp Hội đồng quản trị.***

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi vào sổ biên bản. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Các quyết định đã được thông qua;
- i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

### ***Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.***

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, hoặc Phó Giám đốc, Giám đốc hoặc trưởng các đơn vị trực thuộc là người quản lý các đơn vị trong công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty và chịu trách nhiệm bí mật những thông tin được cung cấp.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

### ***Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.***

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 34 điều lệ này;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức;

2. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

#### **Điều 40. Giám đốc công ty.**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ làm Giám đốc Công ty.

2. Giám đốc là người trực tiếp điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Giám đốc công ty do Hội đồng quản trị bầu và miễn nhiệm.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 (năm) năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Giám đốc phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng cấm quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh của Công ty;

4. Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quyết định quy chế quản lý nội bộ công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, từ Giám đốc các đơn vị trực thuộc các chi nhánh, trưởng phòng ban trở xuống (trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị).

e) Quyết định lương, thưởng, phúc lợi và phụ cấp khác (nếu có) đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

#### **Điều 41. Thư ký Công ty.**

1. Để hỗ trợ cho hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả, Hội đồng quản trị phải chỉ định ít nhất một người làm Thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Thư ký Công ty phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự ;
- b) Phải là người có hiểu biết về pháp luật;
- c) Không được đồng thời làm việc cho Công ty Kiểm toán hiện đang kiểm toán Công ty.

3. Quyền và nghĩa vụ của Thư ký Công ty được quy định như sau:

- a) Hỗ trợ tổ chức các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch hoặc Trưởng Ban Kiểm soát;
- b) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp;
- c) Làm biên bản các cuộc họp;
- d) Đảm bảo các quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- e) Cung cấp các thông tin tài chính, sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- f) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- g) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- h) Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- i) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- j) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- k) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật có liên quan;

4. Thư ký có trách nhiệm bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

#### **Điều 42. Công khai các lợi ích liên quan.**



Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện theo quy định tại điểm a, b, c, d khoản 4 Điều 159 Luật Doanh nghiệp;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

#### ***Điều 43. Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.***

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính của Công ty.

2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 điều này, Hội đồng quản trị và Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

3. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty.



**Điều 44. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.**

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 35% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 điều 159 của Luật Doanh nghiệp.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 điều này. Người đại diện theo pháp luật của công ty, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

**Điều 45. Ban Kiểm soát.**

1. Ban Kiểm soát có 03 (ba) thành viên; nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá năm năm; thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm soát. Quyền và nhiệm vụ của Trưởng Ban Kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định. Các Kiểm soát viên phải thường trú ở Việt Nam và phải có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên. Trưởng Ban Kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.

3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện Kiểm soát viên.

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 điều 18 Luật Doanh nghiệp;

b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.

c. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

d. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

#### **Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.**

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 10 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười năm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi đó và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

#### ***Điều 47. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.***

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các Nghị quyết và Biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

4. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc.

5. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

#### ***Điều 48. Trách nhiệm của Kiểm soát viên.***

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến

Ban Kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

**Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 điều 45 của Điều lệ;

b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

c) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Chương IV**

**PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH**

**Điều 50. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.**

1. Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị được thông qua Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo trước cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 51. Thù lao và lợi ích khác của Kiểm soát viên.**

1. Kiểm soát viên được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua Đại hội đồng cổ đông. Quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ

vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;

2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

#### ***Điều 52. Trả cổ tức.***

1. Cổ tức trả cho cổ phần của cổ đông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ Công ty và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ chương trình trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung theo như quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f của khoản 4 Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng Vốn Điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

#### ***Điều 53. Kiểm toán Công ty.***

1. Hội đồng quản trị có thể mời kiểm toán độc lập để kiểm toán tài chính Công ty khi cần thiết

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thể mời kiểm toán độc lập để kiểm toán tài chính Công ty khi nhận định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty không chính xác, trung thực ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Công ty, nếu cổ đông hoặc nhóm cổ đông đặt vấn đề với Ban Kiểm soát, Chủ tịch nhưng không được xem xét, kiểm tra và trả lời cụ thể. Trong trường hợp này:

a) Nếu kết quả kiểm toán đúng với báo cáo tài chính, cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải chịu chi phí.

b) Nếu kết quả kiểm toán không đúng với báo cáo tài chính, kiểm toán độc lập phát hiện báo cáo tài chính có vấn đề không trung thực, chính xác thì trách nhiệm thanh toán chi phí kiểm toán thuộc về những thành viên lập, kiểm tra báo cáo tài chính của Công ty.

#### ***Điều 54. Năm tài chính.***

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 của năm đó.

#### ***Điều 55. Trình báo cáo hằng năm.***

1. Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo và tài liệu sau đây:

a) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty;

b) Báo cáo tài chính;

c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty.

2. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

3. Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban Kiểm soát để thẩm định chậm nhất ba mươi ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

4. Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị; báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính và chi nhánh của Công ty chậm nhất bảy ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán và kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian hợp lý.

#### ***Điều 56. Công khai thông tin về Công ty.***

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2. Công ty Cổ phần công bố trên trang thông tin điện tử của mình các thông tin quy định tại khoản 2 Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

3. Công ty phải thông báo cho Cơ quan Đăng ký kinh doanh nơi Công ty có trụ sở chính chậm nhất 03 ngày sau khi có thông tin hoặc có thay đổi các thông tin về họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú, số cổ phần và loại cổ phần của cổ đông là cá nhân nước ngoài; tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, số cổ phần và loại cổ phần và họ, tên, quốc tịch, số hộ chiếu, địa chỉ thường trú người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài.

**Điều 57. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế, trả cổ tức và xử lý lỗ.**

1. Hàng năm, dựa trên kết quả sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đề xuất và trình Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định việc trích lập các quỹ theo quy định. Việc trả cổ tức thực hiện theo quy định tại Điều 52 của Điều lệ.

2. Hội đồng quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ tên Công ty; họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân/Giấy Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số Đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đã được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; họ, tên, chữ ký của Chủ tịch và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Năm nào kinh doanh bị lỗ, thì Công ty sẽ chuyển số lỗ sang năm sau để được trừ vào thu nhập chịu thuế, thời gian được chuyển lỗ sẽ không quá năm (05) năm.

4. Tùy thuộc vào tình hình hiệu quả kinh doanh cho phép, Hội đồng quản trị có thể xem xét để ứng cổ tức cho cổ đông trước theo từng thời hạn ba tháng hoặc sáu tháng.

**Chương V**

**THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN**

**Điều 58. Thành lập, tổ chức lại.**

1. Công ty được thành lập ngày do Đại hội đồng cổ đông thông qua bản Điều lệ lần đầu và hoạt động kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

2. Công ty được tổ chức lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 59. Giải thể.**

1. Công ty giải thể trong các trường hợp sau:

- a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ;
- b) Công ty không còn đủ 3 cổ đông trong thời hạn 6 tháng liên tục;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

**Điều 60. Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp.**



Việc giải thể doanh nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 202 Luật Doanh nghiệp.

## **Chương VI**

### **ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

#### **Điều 61. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ:**

1. Các tranh chấp nội bộ trong Công ty gồm có việc cổ đông với tư cách cá nhân bị thiệt hại vì những việc làm hay không làm của Công ty hoặc người quản lý Công ty khiến quyền lợi của họ bị thiệt hại; vì người quản lý Công ty có dấu hiệu lừa đảo trong việc mua bán cổ phiếu, hoặc không mẫn cán và trung thực trong công việc quản lý và điều hành Công ty hoặc vi phạm vào những nghĩa vụ của người quản lý.

Khi có một trong những trường hợp trên xảy ra, cổ đông sẽ nêu sự việc cho Ban Kiểm soát và yêu cầu này được xem xét, đặt vấn đề với Hội đồng quản trị để xác minh, xem xét, khắc phục và trả lời.

Sau thời gian 30 ngày kể từ ngày đã yêu cầu Ban Kiểm soát mà thấy sự việc không được giải quyết thoả đáng với mình, cổ đông có thể đem nội vụ ra Tòa án để giải quyết. Chịu trách nhiệm giải quyết tranh chấp và nhận giấy triệu tập của tòa án là Chủ tịch đại diện Hội đồng quản trị và Người đại diện theo pháp luật của Công ty thay mặt Công ty cá nhân bị khởi kiện. Cổ đông có thể xin tòa buộc Công ty hay người vi phạm có liên quan bồi thường cho mình hay bồi thường cho Công ty. Cổ đông sẽ chịu án phí nếu thua kiện; trường hợp khác, Công ty phải hoàn lại án phí cho cổ đông.

2. Tranh chấp có thể là nhóm cổ đông khởi kiện Công ty hay người quản lý về việc làm hay không làm của Công ty hay người quản lý khiến quyền lợi của họ bị thiệt hại. Trong trường hợp này phải có đại diện của nhóm cổ đông thực hiện các quyền và nghĩa vụ như quy định tại khoản 1, Điều này.

#### **Điều 62. Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty.**

1. Những vấn đề khác có liên quan không nêu trong Điều lệ này thì được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

2- Trường hợp pháp luật có quy định khác với nội dung trong Điều lệ này thì thực hiện theo các quy định của pháp luật.

#### **Điều 63. Thể thức sửa đổi, bổ sung, sao chép, trích lục điều lệ.**

Khi muốn sửa đổi, bổ sung bản Điều lệ này, Hội đồng quản trị sẽ trình Đại hội đồng cổ đông quyết định những điều khoản hay vấn đề cần thay đổi.

Mọi sửa đổi, bổ sung Điều lệ không được trái với quy định hiện hành của Nhà nước, phải được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua và sau khi đã đăng ký hoặc thông báo thay đổi Điều lệ tại cơ quan Đăng ký kinh doanh, lúc đó mới hợp lệ.

Mọi sự sao chép, trích lục đều phải có chữ ký của Chủ tịch hoặc người đại diện theo pháp luật mới có giá trị.

#### **Điều 64. Điều khoản cuối cùng.**

Bản Điều lệ này gồm sáu (06) chương, 64 điều, được lập thành 10 (mười) bản có giá trị như nhau, 01 (một) bản kèm hồ sơ Đăng ký kinh doanh, 05 (năm) lưu giữ tại văn phòng Công ty, mỗi Cổ đông giữ 01 (một) bản, Ban Kiểm soát giữ 01 (một) bản.

Người đại diện theo pháp luật và tất cả các cổ đông sáng lập Công ty cam kết nội dung Điều lệ này là chính xác, trung thực và phù hợp với các quy định của pháp luật, nếu sai sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật./.

**Chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty**



**Lê Tuấn Long**

**Chữ ký của các các cổ đông sáng lập./.**

Stt	Cổ đông sáng lập	Người đại diện	Chữ ký
1	Công ty Cổ phần Dương Đông - Sài Gòn	Lê Tuấn Long	
2	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) – Công ty TNHH MTV	Đặng Thanh Hoài	
3	Hoàng Thành Luân		

## PHỤ LỤC 01

### VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CƠ CẤU VỐN CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ DƯƠNG ĐÔNG KIÊN GIANG

#### I. Vốn điều lệ Công ty

1. Vốn điều lệ Công ty: 46.000.000.000 (Bốn mươi sáu tỷ đồng)
2. Mệnh giá: 100.000 đồng
3. Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

#### II. Danh sách cổ đông sáng lập của CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ DƯƠNG ĐÔNG KIÊN GIANG

Stt	Tên	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tổng trị giá (Đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty Cổ phần Dương Đông – Sài Gòn	Số 53-55 Cao Triều Phát, Phường Tân Phong, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh.	303.600	30.360.000.000	66%
2	Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) – Công ty TNHH MTV	Tầng 14-17, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5, Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh.	156.200	15.620.000.000	33,96 %
3	Hoàng Thành Luân	Số 90 Pasteur, Phường Bến Nghé, quận 1, Tp Hồ Chí Minh.	200	20.000.000	0,04%

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
<b>Chương I – NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	1
Điều 1: Tên gọi, địa chỉ trụ sở chính, văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty.....	1
Điều 2: Giải thích từ ngữ.....	2
Điều 3: Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh của công ty.....	3
Điều 4: Nguyên tắc tổ chức, quản trị, điều hành của công ty.....	3
Điều 5: Con dấu của công ty.....	4
<b>Chương II – VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG, CỔ PHIẾU CỦA CÔNG TY</b> .....	4
Điều 6: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông.....	4
Điều 7: Quyền của cổ đông.....	5
Điều 8: Nghĩa vụ của cổ đông.....	6
Điều 9: Cổ phiếu và chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 10: Sổ đăng ký cổ đông.....	7
Điều 11: Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.....	8
Điều 12: Bán cổ phần.....	9
Điều 13: Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	9
Điều 14: Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty.....	9
Điều 15: Thừa kế cổ phần.....	10
Điều 16: Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	10
Điều 17: Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.....	10
<b>Chương III – TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH, KIỂM SOÁT CÔNG TY</b> .....	11
Điều 18: Cơ cấu tổ chức quản lý công ty.....	11
Điều 19: Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 20: Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 21: Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 22: Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 23: Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 24: Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 25: Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 26: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	14

Điều 27: Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 28: Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....	16
Điều 29: Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 30: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 31: Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 32: Hội đồng quản trị.....	17
Điều 33: Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 34: Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	19
Điều 35: Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	19
Điều 36: Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	20
Điều 37: Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	21
Điều 38: Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 39: Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 40: Giám đốc công ty.....	22
Điều 41: Thư ký Công ty.....	23
Điều 42: Công khai các lợi ích liên quan.....	23
Điều 43: Nghĩa vụ của người quản lý Công ty.....	24
Điều 44: Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận.....	25
Điều 45: Ban Kiểm soát.....	25
Điều 46: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	26
Điều 47: Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	27
Điều 48: Trách nhiệm của Kiểm soát viên.....	27
Điều 49: Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	28
<b>Chương IV – PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, HỆ THỐNG KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH.....</b>	<b>28</b>
Điều 50: Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty.....	28
Điều 51: Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát.....	28
Điều 52: Trả cổ tức.....	29
Điều 53: Kiểm toán Công ty.....	29
Điều 54: Năm tài chính.....	30
Điều 55: Trình báo cáo hàng năm.....	30
Điều 56: Công khai thông tin về Công ty.....	30
Điều 57: Nguyên tắc phân chia lợi nhuận sau thuế, trả cổ tức và xử lý lỗ.....	31



<b>Chương V – THÀNH LẬP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN.....</b>	<b>31</b>
Điều 58: Thành lập, tổ chức lại.....	31
Điều 59: Giải thể.....	31
Điều 60: Trình tự, thủ tục giải thể doanh nghiệp.....	31
<b>Chương VI – ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....</b>	<b>32</b>
Điều 61: Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.....	32
Điều 62: Nguyên tắc áp dụng Điều lệ Công ty.....	32
Điều 63: Thể thức sửa đổi, bổ sung, sao chép, trích lục điều lệ.....	32
Điều 64: Điều khoản cuối cùng.....	32

